

Số: 929/QĐ-ĐHQG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ thông tin  
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;*

*Căn cứ Công văn số 1741/ĐHQG-KHĐT ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị rà soát, cập nhật Kế hoạch chiến lược của các đơn vị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Công văn số 2014/ĐHQG-KHĐT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn các đơn vị rà soát, cập nhật chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐTĐHCNTT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ thông tin;*

*Căn cứ Công văn số 366/ĐHCNTT-TCHC ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Trường Đại học Công nghệ thông tin về việc rà soát và hoàn thiện các nội dung của Hội đồng thẩm định Chiến lược;*

*Căn cứ Công văn số 101-CV/ĐU ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Đảng ủy Trường Đại học Công nghệ thông tin về việc thông qua Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Chiến lược, đầu tư.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 theo đề xuất tại Công văn số 366/ĐHCNTT-TCHC (Công văn kèm theo).

**Điều 2.** Trường Đại học Công nghệ thông tin có trách nhiệm ban hành và triển khai thực hiện các nội dung của Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, phấn đấu đạt được các mục tiêu của Chiến lược phát triển đã đề ra.

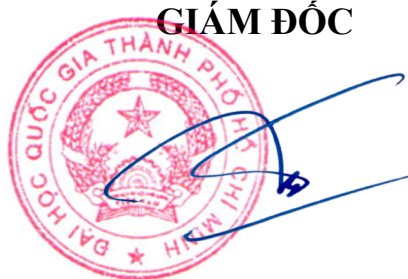
**Điều 3.** Trường Đại học Công nghệ thông tin tổ chức đánh giá kết quả thực hiện hằng năm theo các mục tiêu của Chiến lược phát triển.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng, Trưởng ban các ban chức năng, Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ thông tin, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Các Phó Giám đốc ĐHQG-HCM;
- Lưu: VT, CLĐT (Phụ lục).



**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Hải Quân**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 366 /ĐHCNTT-TCHC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

V/v rà soát và hoàn thiện các nội dung  
của Hội đồng thẩm định Chiến lược

Kính gửi: Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh,

Căn cứ Kết luận cuộc họp Hội đồng thẩm định Chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và các ý kiến đóng góp của các thành viên tham dự họp vào ngày 19/03/2025, Nhà trường tiếp thu các ý kiến góp ý và điều chỉnh các nội dung trong chiến lược của Trường như sau:

1. Điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu tổng quát.
2. Điều chỉnh các hệ thống chỉ tiêu KPI, PI theo các góp ý cho phù hợp với chiến lược Nhà trường.
3. Bổ sung các căn cứ pháp lý.
4. Bổ sung 02 Đề án theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Trường Đại học Công nghệ Thông tin kính trình và đề nghị Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt Chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Nhà trường theo bảng kế hoạch đính kèm.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Tú Anh

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

---

# CHIẾN LƯỢC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN 2045

## MỤC LỤC

|                                                                                                                           |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| DANH MỤC VIẾT TẮT .....                                                                                                   | 4  |
| 1. Bối cảnh .....                                                                                                         | 5  |
| 1.1. Quốc tế .....                                                                                                        | 5  |
| 1.2. Trong nước .....                                                                                                     | 6  |
| 2. Phân tích SWOT .....                                                                                                   | 8  |
| 2.1. Điểm mạnh .....                                                                                                      | 8  |
| 2.2. Điểm yếu .....                                                                                                       | 9  |
| 2.3. Cơ hội .....                                                                                                         | 10 |
| 2.4. Thách thức .....                                                                                                     | 10 |
| 3. Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi .....                                                                             | 11 |
| 3.1. Tầm nhìn .....                                                                                                       | 11 |
| 3.2. Sứ mạng .....                                                                                                        | 11 |
| 3.3. Giá trị cốt lõi .....                                                                                                | 11 |
| 4. Mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021 - 2030 .....                                                                        | 11 |
| 5. Hệ thống chỉ tiêu chính của giai đoạn 2021 - 2030 .....                                                                | 13 |
| 6. Kế hoạch thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2030.....                                                                 | 13 |
| Chiến lược 1: Phát triển KHCN vươn tầm châu Á .....                                                                       | 13 |
| MTTK1: Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế .....                                                     | 13 |
| MTTK2: Đầu tư các nhóm nghiên cứu mạnh tiến tới đạt tầm châu Á .....                                                      | 14 |
| MTTK3: Tăng cường nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ .....                                                      | 14 |
| MTTK4: Thiết lập và mở rộng hợp tác chiến lược với doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ ..... | 14 |
| Chiến lược 2: Phát triển tài năng, hội nhập toàn cầu .....                                                                | 16 |
| MTTK1: Thu hút và phát triển sinh viên xuất sắc .....                                                                     | 16 |
| MTTK2: Phát triển năng lực cạnh tranh toàn cầu .....                                                                      | 16 |
| MTTK3: Đa dạng hóa chương trình đào tạo .....                                                                             | 16 |
| MTTK4: Đảm bảo chất lượng đào tạo .....                                                                                   | 17 |
| Chiến lược 3: Phát triển nguồn lực kiến tạo tương lai bền vững .....                                                      | 18 |
| MTTK1: Nâng cao trình độ đội ngũ viên chức và người lao động .....                                                        | 18 |
| MTTK2: Thu hút và giữ chân giảng viên xuất sắc, giảng viên quốc tế .....                                                  | 19 |
| MTTK3: Tăng trưởng nguồn thu bền vững .....                                                                               | 19 |
| MTTK4: Phát triển cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu .....                                   | 19 |
| MTTK5: Nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ sinh viên .....                                                            | 20 |

|                                                                                             |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| MTTK6: Kết nối và phát huy nguồn lực cựu sinh viên, hợp tác địa phương và phục vụ cộng đồng | 20 |
| 7. Phân tích, đánh giá rủi ro và tính khả thi .....                                         | 21 |
| a. Phân tích đánh giá rủi ro                                                                | 21 |
| b. Phân tích tính khả thi                                                                   | 22 |
| PHỤ LỤC 1: DANH MỤC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2030 .....                            | 24 |
| PHỤ LỤC 2: ĐỐI SÁNH CHỈ TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐHCNTT VỚI .....                                    | 25 |
| CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA ĐHQG-HCM .....                                                      | 25 |

## DANH MỤC VIẾT TẮT

| Từ viết tắt      | Tên đầy đủ                             |
|------------------|----------------------------------------|
| KHCL             | Kế hoạch chiến lược                    |
| DHQG-HCM         | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh |
| DHCNTT           | Trường Đại học Công nghệ Thông tin     |
| Trí tuệ nhân tạo | AI                                     |
| MOOCs            | Massive Open Online Courses            |
| Blended Learning | Học tập kết hợp                        |
| TKVM             | Thiết kế vi mạch                       |
| KHDL             | Khoa học dữ liệu                       |
| ATTT             | An toàn thông tin                      |
| CNTT-TT          | Công nghệ thông tin - truyền thông     |
| MTTK             | Mục tiêu triển khai                    |
| MTCL             | Mục tiêu chiến lược                    |
| SV               | Sinh viên                              |
| NCKH             | Nghiên cứu khoa học                    |
| CTĐT             | Chương trình đào tạo                   |

# CHIẾN LƯỢC

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

### GIẢI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN 2045

#### 1. Bối cảnh

Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐHCNTT), thành viên của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM), được thành lập ngày 08/06/2006. Trường có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tiên phong trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ, góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội, phát triển đất nước phồn vinh và hạnh phúc. Trải qua hơn 19 năm thành lập, Trường ĐHCNTT đã xây dựng được cơ sở vật chất xanh, hiện đại trên diện tích hơn 6 hecta (trong tổng diện tích gần 14 hecta) trong khuôn viên khu đô thị ĐHQG-HCM, bao gồm khu học tập, nghiên cứu và làm việc. Dựa trên hiện trạng của Nhà trường và bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay, các định hướng chiến lược trong những năm tiếp theo sẽ được xây dựng nhằm đáp ứng xu thế phát triển chung của đất nước và thích ứng với các biến động toàn cầu.

#### 1.1. Quốc tế

Trong tình hình hiện tại, thế giới đang phải đối mặt với những biến động sâu rộng về chính trị, kinh tế, và công nghệ, mang đến cả cơ hội và thách thức cho nhiều lĩnh vực, đặc biệt là giáo dục và khoa học công nghệ.

1. **Chính trị và kinh tế quốc tế:** Cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraine, cùng với căng thẳng ở Trung Đông giữa Israel, Iran, Hamas, và Hezbollah, đã làm gia tăng xung đột trên quy mô toàn cầu. Những sự kiện này không chỉ gây bất ổn cho khu vực mà còn khiến nền kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng với hệ quả là suy thoái kinh tế và sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng. Hơn nữa, tình hình quốc tế trở nên phức tạp hơn do sự cạnh tranh giữa các cường quốc, dẫn đến sự thay đổi trong các liên minh và quan hệ quốc tế. Thế giới đang chuyển dần sang một trật tự đa cực, nơi các siêu cường quốc tranh giành ảnh hưởng và định hình lại cấu trúc chính trị toàn cầu.
2. **Sự phát triển của công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI):** Sự phát triển mạnh mẽ của các công nghệ mới, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), đang thay đổi cách thức con người làm việc và học tập. Các công nghệ như ChatGPT và các hệ thống AI tiên tiến khác không chỉ tạo ra những đột phá trong lĩnh vực công nghệ mà còn có tác động sâu rộng đến mọi mặt của đời sống và nền kinh tế. AI mang lại năng suất cao

hơn, giải phóng con người khỏi các công việc lặp đi lặp lại, nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức lớn về nhu cầu nguồn nhân lực có trình độ cao để theo kịp tốc độ phát triển công nghệ.

3. **Chuyển đổi số trong giáo dục:** Trong bối cảnh này, hệ thống giáo dục toàn cầu cũng đang trải qua quá trình chuyển đổi mạnh mẽ. Các mô hình học tập mới như MOOCs (Massive Open Online Courses) và Blended Learning (học tập kết hợp) đang trở nên phổ biến, mang lại sự linh hoạt và hiệu quả cho người học. Những phương pháp này không chỉ giúp mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục mà còn khuyến khích học tập suốt đời, giúp người học dễ dàng thích ứng với thế giới đang thay đổi nhanh chóng.
4. **Thị trường lao động và nhu cầu kỹ năng mới:** Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và AI đang tái định hình thị trường lao động toàn cầu. Nhiều ngành nghề truyền thống đang bị thay thế hoặc bị ảnh hưởng bởi tự động hóa và trí tuệ nhân tạo, dẫn đến nhu cầu lớn về các kỹ năng mới trong các lĩnh vực như công nghệ vi mạch bán dẫn, khoa học dữ liệu, an ninh mạng, chuyển đổi số, và phát triển phần mềm. Các cơ sở giáo dục phải nhanh chóng điều chỉnh chương trình đào tạo để trang bị cho sinh viên những kỹ năng phù hợp với thị trường lao động tương lai.
5. **Sức ép đổi mới và sáng tạo:** Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng căng thẳng, đổi mới và sáng tạo trở thành yếu tố sống còn đối với nhiều tổ chức và ngành nghề. Đặc biệt, trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sự đổi mới không ngừng là chìa khóa để duy trì và nâng cao vị thế cạnh tranh. Các trường đại học và tổ chức nghiên cứu phải đóng vai trò tiên phong trong việc thúc đẩy sáng tạo và phát triển các dự án đột phá, xây dựng môi trường học tập và nghiên cứu năng động.

## 1.2. Trong nước

Trong bối cảnh quốc tế đang diễn ra nhiều biến động, Việt Nam cũng đang chứng kiến những thay đổi quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là tại khu vực Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM).

1. **Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị Khóa XIII:** Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị Khóa XIII về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã xác định TP.HCM là động lực phát triển chính của vùng Đông Nam Bộ. TP.HCM được định hướng trở thành trung tâm kinh tế, giáo dục, và nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam và khu vực. Nghị quyết này cũng đặt mục tiêu phát triển

- ĐHQG-HCM trở thành một trong những cơ sở giáo dục đại học hàng đầu châu Á, đóng góp mạnh mẽ vào sự phát triển của khoa học, công nghệ, và đổi mới sáng tạo.
2. **Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội:** Nghị quyết 98/2023/QH15 đã mở đường cho TP.HCM với các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm phát triển thành phố một cách toàn diện, bao gồm việc tháo gỡ các điểm nghẽn về đầu tư, tài chính - ngân sách, và quản lý đô thị. Đặc biệt, nghị quyết này tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư vào các trung tâm nghiên cứu và phát triển, các trung tâm đổi mới sáng tạo, và các hoạt động liên quan đến công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, tự động hóa, và công nghệ bán dẫn. Đây là những lĩnh vực mà Trường ĐHCNTT có thể mạnh và sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.
  3. **Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 21/09/2024 của Thủ tướng Chính phủ:** Với Quyết định số 1017/QĐ-TTg về chương trình phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050, Việt Nam đang đặt mục tiêu phát triển ngành bán dẫn trở thành một trong những lĩnh vực mũi nhọn trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Trường ĐHCNTT đã được chọn là một trong những cơ sở giáo dục công lập được ưu tiên đầu tư, đặc biệt là các phòng thí nghiệm bán dẫn, nhằm phục vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao cho ngành này. Đây sẽ là bước tiến quan trọng, không chỉ giúp Trường nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu mà còn định vị Trường như một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp bán dẫn của Việt Nam.
  4. **Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị Khóa XIII:** Nghị quyết 57-NQ/TW xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính để phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nghị quyết đặt mục tiêu đến năm 2045, Việt Nam trở thành một trong những trung tâm công nghệ số hàng đầu khu vực và thế giới, với nền kinh tế số chiếm 50% GDP. Định hướng chiến lược tập trung vào trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ bán dẫn, an toàn thông tin và điện toán đám mây, đồng thời thúc đẩy hợp tác giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục trong nghiên cứu và phát triển công nghệ cao. Trường ĐHCNTT xác định mục tiêu là một trong những cơ sở giáo dục có vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho chiến lược phát triển công nghệ quốc gia. Nhà trường sẽ được hưởng lợi từ các chính sách ưu tiên trong đầu tư hạ tầng số, phát triển phòng thí nghiệm trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, an toàn thông tin, cũng như tăng cường hợp tác với doanh nghiệp công nghệ lớn trong và ngoài nước. Đây sẽ là bước tiến quan trọng, không chỉ giúp

Trường nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu mà còn định vị Trường là trung tâm đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng đầu tại Việt Nam.

### 1.3. Căn cứ pháp lý

1. Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐH CNTT) thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);
2. Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 17/8/2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;
3. Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Luật giáo dục đại học 2012 số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
5. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
6. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;
7. Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Kế hoạch hành động về xây dựng Khu đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông Thành phố Hồ Chí Minh;
8. Quyết định số 1331/QĐ-ĐHQG ngày 13/9/2023 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ĐHQG-HCM giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045;
9. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chương trình hành động số 33-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

## 2. Phân tích SWOT

### 2.1. Điểm mạnh

1. **Ngành nghề đào tạo mũi nhọn:** Trường có những chương trình đào tạo chất lượng cao về các ngành như Trí tuệ nhân tạo (AI), Khoa học dữ liệu (KHDL), An toàn

thông tin (ATTT), và Thiết kế vi mạch (TKVM). Các chương trình đào tạo (CTĐT) này được cập nhật thường xuyên để đáp ứng các xu hướng công nghệ mới nhất và nhu cầu nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

2. **Đội ngũ giảng viên ưu tú:** Giảng viên của trường được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, có trình độ chuyên môn cao và năng lực giảng dạy tốt, giúp nâng cao chất lượng giáo dục.
3. **Hợp tác quốc tế và hợp tác doanh nghiệp toàn diện:** Trường đã mở rộng hợp tác với các trường đại học quốc tế và các doanh nghiệp uy tín trong và ngoài nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi học thuật, nghiên cứu, và phát triển chương trình đào tạo.
4. **Cơ sở vật chất hiện đại:** Trường đang chú trọng đầu tư vào cơ sở vật chất, đặc biệt là hạ tầng tính toán và các phòng thí nghiệm, phòng thực hành với trang thiết bị hiện đại, nhằm nâng cao năng lực giảng dạy, thực hành, và nghiên cứu.
5. **Danh tiếng và sức hút của trường ngày càng tăng:** Trường đang dần khẳng định vị thế của mình thông qua chất lượng tuyển sinh đầu vào, thành tích của sinh viên tại các cuộc thi học thuật, và khả năng thích nghi của sinh viên với thị trường lao động. Sinh viên ra trường được đánh giá cao bởi các nhà tuyển dụng nhờ kiến thức chuyên môn vững và kỹ năng làm việc tốt.

## 2.2. Điểm yếu

1. **Hạn chế về cơ sở vật chất và tài nguyên nghiên cứu:** Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị của Trường chưa đạt tiêu chuẩn quốc tế do nguồn lực tài chính hạn chế.
2. **Cạnh tranh trong việc thu hút và giữ chân chuyên gia đầu ngành đáp ứng sự phát triển:** Mặc dù có đội ngũ giảng viên ưu tú, nhưng Trường vẫn gặp khó khăn trong việc thu hút và giữ chân các chuyên gia đầu ngành, đặc biệt là trong các lĩnh vực tiên tiến.
3. **Hợp tác với doanh nghiệp chưa phát huy hết tiềm năng:** Mối liên kết giữa Trường và doanh nghiệp chưa được khai thác tối đa, dẫn đến việc các chương trình đào tạo và nghiên cứu chưa gắn liền chặt chẽ với thực tiễn và nhu cầu của thị trường.
4. **Nghiên cứu khoa học còn chưa toàn diện:** Hoạt động nghiên cứu của Trường vẫn mang tính hàn lâm, chưa đẩy mạnh các sáng kiến khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, và chuyển giao công nghệ.
5. **Các ngành đào tạo chưa đa dạng:** Trường chưa khai thác đầy đủ các lĩnh vực liên quan như quản lý công nghệ hay kinh tế số, làm hạn chế khả năng thích ứng với xu hướng phát triển của nền kinh tế số.

6. **Nguồn thu chưa được mở rộng:** Trường chưa tận dụng hết tiềm năng để đa dạng hóa nguồn thu nhập từ các dịch vụ giáo dục, nghiên cứu và hợp tác với doanh nghiệp.

### 2.3. Cơ hội

1. **Xu hướng phát triển công nghệ và chuyển đổi số:** Nhu cầu về nhân lực trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, khoa học dữ liệu, và công nghệ bán dẫn đang tăng mạnh, mở ra cơ hội lớn cho Trường trong việc phát triển các chương trình đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong nước và quốc tế.
2. **Chính sách hỗ trợ tự chủ đại học và phát triển khoa học công nghệ:** Các chính sách của Chính phủ về tự chủ đại học và phát triển khoa học công nghệ đang tạo điều kiện thuận lợi cho trường trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu.
3. **Vị trí thuận lợi và hưởng lợi từ các nghị quyết Quốc gia:** Trường nằm trong khu vực phát triển cao của TP.HCM và là thành viên của ĐHQG-HCM, đồng thời được hưởng lợi từ Nghị quyết 24-NQ/TW24, Nghị quyết 98/2023/QH15, Quyết định số 1017/QĐ-TTg, Nghị quyết 57-NQ/TW. Các nghị quyết này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho Trường trong việc phát triển cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư, mà còn hỗ trợ đẩy mạnh nghiên cứu và đào tạo trong các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, an ninh mạng, dữ liệu lớn và công nghệ vi mạch bán dẫn. Nghị quyết 57-NQ/TW nhấn mạnh vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong chiến lược phát triển quốc gia, giúp Trường tận dụng các cơ chế hỗ trợ về tài chính, hợp tác doanh nghiệp và chuyển giao công nghệ, từ đó nâng cao vị thế trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Việt Nam.

### 2.4. Thách thức

1. **Cạnh tranh khốc liệt và thách thức trong thu hút nhân tài:** Trường phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các trường đại học trong và ngoài hệ thống ĐHQG-HCM, không chỉ về thu hút sinh viên giỏi mà còn trong việc giữ chân giảng viên và chuyên gia hàng đầu. Khó khăn trong việc thu hút và giữ chân các chuyên gia đầu ngành có thể làm suy giảm sức cạnh tranh của trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu.
2. **Thay đổi mô hình và phương pháp giảng dạy:** Sự chuyển đổi nhanh chóng từ các phương pháp giảng dạy truyền thống sang các mô hình học tập mới như học trực tuyến, MOOCs, và Blended Learning đòi hỏi Trường phải thích nghi nhanh chóng để duy trì tính cạnh tranh.

3. **Tài chính:** Trường đang đối mặt với áp lực tài chính do chuyển đổi sang mô hình tự chủ đại học, trong khi nguồn ngân sách từ Nhà nước cho giáo dục đại học có xu hướng giảm. Điều này đòi hỏi Trường phải tìm kiếm các nguồn thu mới và tối ưu hóa quản lý tài chính để đảm bảo sự phát triển bền vững.
4. **Công nghệ và hạ tầng kỹ thuật:** Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ yêu cầu Trường phải liên tục đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật và cập nhật các công cụ giảng dạy, nghiên cứu. Điều này bao gồm việc trang bị các phòng thí nghiệm hiện đại, hệ thống học trực tuyến, và các công cụ hỗ trợ học tập tiên tiến. Nếu không đầu tư đủ, kịp thời thì Trường có nguy cơ tụt hậu so với các đối thủ cạnh tranh trong việc cung cấp một môi trường học tập tiên tiến và hiệu quả.

### 3. Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi

#### 3.1. Tầm nhìn

Trường Đại học Công nghệ Thông tin trở thành trường đại học топ đầu về công nghệ thông tin - truyền thông (CNTT-TT) ở khu vực châu Á.

#### 3.2. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tiên phong trong nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ, góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội và phát triển đất nước.

#### 3.3. Giá trị cốt lõi

Đây là những chuẩn mực mà Trường ĐHCNTT cam kết thực hiện trong các hoạt động có liên quan:

1. **Toàn diện (Holistic development):** Đào tạo người học phát triển toàn diện, không chỉ về kiến thức chuyên môn mà còn về các kỹ năng, thái độ và năng lực thực hành xã hội.
2. **Sáng tạo (Innovation):** Đề cao sự tìm tòi, đổi mới và sáng tạo trong nghiên cứu và giảng dạy; tạo môi trường để các ý tưởng mới có thể nảy sinh và phát triển.
3. **Tự do học thuật (Academic freedom):** Thúc đẩy tự do học thuật gắn liền với trách nhiệm đạo đức và lợi ích chung của cộng đồng.
4. **Chuyên nghiệp (Professional):** Hướng đến việc xây dựng một môi trường học tập và làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả.
5. **Phục vụ cộng đồng (Community orientation):** Định hướng các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học phục vụ cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước và nhân loại.

### 4. Mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021 - 2030

### **Mục tiêu tổng quát:**

Đến năm 2030, Trường ĐHCNTT trở thành trường đại học có nhóm ngành về CNTT-TT nằm trong top 100 các trường hàng đầu ở khu vực châu Á, dẫn đầu về đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực CNTT-TT; là trung tâm kết nối giữa học thuật và doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và khu vực.

### **Mục tiêu cụ thể:**

1. Phát triển tiềm lực nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Tăng cường đầu tư vào các nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và phát triển sản phẩm công nghệ, ưu tiên các lĩnh vực chiến lược như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, vi mạch bán dẫn, an toàn thông tin, Internet vạn vật, và dữ liệu lớn. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học với môi trường nghiên cứu hiện đại, áp dụng cơ chế tài trợ linh hoạt và chấp nhận rủi ro, khuyến khích đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.
2. Phát triển chương trình đào tạo tiên tiến: Tập trung vào các chương trình đào tạo liên ngành, quốc tế hóa và đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế số, đặc biệt là các lĩnh vực mũi nhọn như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, vi mạch bán dẫn, an toàn thông tin, Internet vạn vật, và dữ liệu lớn.
3. Phát triển nguồn nhân lực tinh hoa trong giảng dạy và nghiên cứu: Xây dựng hệ sinh thái nhân tài với các chính sách đột phá nhằm thu hút, bồi dưỡng và trọng dụng giảng viên xuất sắc, nhà khoa học hàng đầu và sinh viên tài năng trong các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn. Kiến tạo môi trường học thuật đẳng cấp quốc tế, khuyến khích sáng tạo, hợp tác và nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu.
4. Tăng cường liên kết doanh nghiệp và đẩy mạnh chuyển giao công nghệ: Kiến tạo hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mở thông qua hợp tác chiến lược giữa trường đại học, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực công nghệ. Mở rộng hợp tác với các tập đoàn hàng đầu, thúc đẩy đào tạo theo nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, phát triển không gian đồng sáng tạo và vườn ươm khởi nghiệp. Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và ứng dụng vào thực tiễn, tạo động lực cho đổi mới sáng tạo và phát triển sản phẩm công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn.
5. Phát triển nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất hiện đại: Đảm bảo sự phát triển bền vững về tài chính, đầu tư vào cơ sở vật chất và hạ tầng số tiên tiến, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu.

## 5. Hệ thống chỉ tiêu chính của giai đoạn 2021 - 2030

1. Số bài báo khoa học quốc tế thuộc danh mục Scopus: 2500.
2. Số nhóm nghiên cứu mạnh được đầu tư trọng điểm để tiến tới đạt tầm châu Á: 2.
3. Tỷ trọng thu khoa học-công nghệ đạt chuẩn CSGD hàng năm: 5%.
4. Số doanh nghiệp là đối tác chiến lược trong hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ: 10.
5. Số SV đạt giải HSG-QG được tuyển vào trường: 250.
6. Số SV đủ năng lực cạnh tranh thị trường lao động toàn cầu: 100.
7. Số CTĐT liên ngành/liên trường/giảng dạy bằng tiếng Anh/hợp tác quốc tế: 7.
8. Tỷ lệ chương trình đào tạo có người học tốt nghiệp được kiểm định quốc tế đến 2030: 100%.
9. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ/tổng giảng viên cơ hữu đến 2030: 50%.
10. Số GV quốc tế cộng tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học: 60.
11. Tỷ lệ tổng nguồn thu tại đơn vị tăng trung bình so với năm trước: 15%.

## 6. Kế hoạch thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2030

### Chiến lược 1: Phát triển KHCN vươn tầm châu Á

**Mục tiêu chiến lược:** Nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, và chuyển giao công nghệ, đầu tư nhóm nghiên cứu mạnh, tăng nguồn thu KHCN, mở rộng hợp tác doanh nghiệp hướng tới tầm châu Á

**MTTK1: Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế**

#### Giải pháp

1. Xây dựng các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng viết bài báo khoa học quốc tế cho giảng viên và nhà nghiên cứu, đặc biệt là kỹ năng viết bằng tiếng Anh.
2. Khuyến khích và hỗ trợ giảng viên, nhà nghiên cứu tham gia các hội thảo quốc tế để trao đổi học thuật và mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế.
3. Tạo cơ chế thưởng và hỗ trợ tài chính cho các nhóm nghiên cứu có công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế danh tiếng thuộc danh mục Scopus, WoS.
4. Đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học và viện nghiên cứu quốc tế để thực hiện các nghiên cứu chung và đồng công bố.
5. Duy trì tổ chức hội nghị quốc tế Scopus MAPR (Trường là thành viên sáng lập).
6. Tham gia tích cực các chương trình trọng điểm phát triển KHCN do ĐHQG-HCM chủ trì.

***MTTK2: Đầu tư các nhóm nghiên cứu mạnh tiến tới đạt tầm châu Á***

**Giải pháp**

- Xác định và đầu tư trọng điểm vào một số nhóm nghiên cứu có tiềm năng vươn tầm khu vực và quốc tế, tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn như trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin, khoa học dữ liệu và công nghệ bán dẫn.
- Đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, đặc biệt là phòng thí nghiệm và trang thiết bị tiên tiến, để hỗ trợ các nhóm nghiên cứu mạnh.
- Tạo điều kiện để các nhóm nghiên cứu mạnh tham gia vào các dự án nghiên cứu quốc tế hoặc nhận các khoản tài trợ lớn từ các quỹ nghiên cứu trong và ngoài nước.
- Xây dựng chương trình hợp tác với các nhà khoa học, giáo sư uy tín từ các nước phát triển để nâng cao năng lực nghiên cứu và tăng cường sự kết nối quốc tế.
- Cập nhật chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH.

***MTTK3: Tăng cường nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ***

**Giải pháp**

- Đầu tư và phát triển các dự án nghiên cứu ứng dụng có khả năng thương mại hóa cao, đồng thời đẩy mạnh chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.
- Xây dựng các chương trình hợp tác với doanh nghiệp để phát triển sản phẩm cụ thể từ các kết quả nghiên cứu và cung cấp dịch vụ tư vấn công nghệ, đào tạo ngắn hạn cho doanh nghiệp.
- Khuyến khích các nhà nghiên cứu tham gia các dự án nghiên cứu có nguồn kinh phí từ các quỹ khoa học công nghệ trong nước và quốc tế.
- Nghiên cứu cơ chế chia sẻ lợi nhuận giữa trường và các nhóm nghiên cứu từ các hoạt động chuyển giao công nghệ và dịch vụ KHCN.

***MTTK4: Thiết lập và mở rộng hợp tác chiến lược với doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ***

**Giải pháp**

- Thiết lập các thỏa thuận hợp tác chiến lược với các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin, và công nghệ bán dẫn.

- Tăng cường mối liên kết giữa các nhóm nghiên cứu của trường và các doanh nghiệp thông qua các dự án nghiên cứu hợp tác và các chương trình thực tập, tuyển dụng sinh viên.
- Tổ chức các sự kiện kết nối giữa nhà trường và doanh nghiệp, như ngày hội doanh nghiệp, hội thảo chuyên đề về chuyển giao công nghệ, để thúc đẩy sự hợp tác sâu rộng hơn.
- Tạo cơ chế khuyến khích các nhóm nghiên cứu chủ động tìm kiếm đối tác doanh nghiệp và thúc đẩy các dự án chuyển giao công nghệ.
- Thành lập Trung tâm Kết nối Doanh nghiệp và Phát triển Nghề nghiệp.

#### **Kết quả dự kiến của giai đoạn 2021 - 2030:**

- KPI.1-Số bài báo khoa học quốc tế thuộc danh mục Scopus: 2.500.
- KPI.2-Số nhóm nghiên cứu mạnh được đầu tư trọng điểm để tiến tới đạt tầm châu Á: 2.
- KPI.3-Tỷ trọng thu khoa học-công nghệ đạt chuẩn CSGD hàng năm: 5%.
- KPI.4-Số doanh nghiệp là đối tác chiến lược trong hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tuyển dụng: 10.
- PI.1-Số đề tài có kinh phí trên 5 tỷ: 3.
- PI.2-Số sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký: 30.
- PI.3-Số lượng dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của sinh viên, giảng viên được hỗ trợ: 5.
- PI.4-Số ứng dụng chuyển đổi số hỗ trợ quản trị và phục vụ SV: 1.

## **Chiến lược 2: Phát triển tài năng, hội nhập toàn cầu**

**Mục tiêu chiến lược:** Phát triển môi trường đào tạo quốc tế, thu hút tài năng và trang bị cho sinh viên năng lực cạnh tranh toàn cầu, với chương trình đa dạng và chất lượng đảm bảo.

### ***MTTK1: Thu hút và phát triển sinh viên xuất sắc***

#### **Giải pháp:**

- Tăng cường chương trình học bổng dành cho học sinh giỏi quốc gia và quốc tế, chính sách học bổng cho sinh viên xuất sắc.
- Phát triển các chương trình đào tạo đặc biệt hoặc lớp học tinh hoa dành riêng cho các sinh viên tài năng để thúc đẩy năng lực chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu.
- Mở rộng mạng lưới tuyển sinh tại các trường THPT chuyên, quốc tế để thu hút sinh viên có năng lực vượt trội.
- Tăng cường hợp tác với các quỹ học bổng và tổ chức quốc tế để cung cấp học bổng và cơ hội học tập cho sinh viên xuất sắc.

### ***MTTK2: Phát triển năng lực cạnh tranh toàn cầu***

#### **Giải pháp**

- Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm, đặc biệt là kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, và kỹ năng lãnh đạo, thông qua các khóa học bổ trợ và chương trình ngoại khóa quốc tế.
- Phát triển chương trình trao đổi sinh viên quốc tế, hợp tác với các trường đại học và tổ chức giáo dục hàng đầu thế giới để tạo cơ hội cho sinh viên tham gia học tập và thực tập tại nước ngoài.
- Tổ chức các chương trình hội thảo, seminar với sự tham gia của các chuyên gia quốc tế và các công ty đa quốc gia để sinh viên có cơ hội học hỏi, kết nối và nâng cao hiểu biết về thị trường lao động toàn cầu.
- Khuyến khích sinh viên tham gia các cuộc thi quốc tế về học thuật, công nghệ, và khởi nghiệp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và tư duy sáng tạo.

### ***MTTK3: Đa dạng hóa chương trình đào tạo***

#### **Giải pháp**

- Phát triển các chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học Top 500 thế giới, tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội nhận bằng cấp quốc tế hoặc học tiếp tại các trường hàng đầu và cung cấp đa dạng lựa chọn cho sinh viên.

- Tăng cường số lượng các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ, quản trị, và khoa học.
- Xây dựng các chương trình đào tạo trực tuyến (MOOC) và hybrid (kết hợp trực tuyến và trực tiếp) để mở rộng quy mô đào tạo và đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt của sinh viên.
- Liên kết với các tổ chức giáo dục quốc tế để phát triển các chương trình đào tạo đôi (dual degree) hoặc trao đổi tín chỉ, giúp sinh viên có thể nhận bằng cấp từ cả hai trường.
- Mở rộng và phát triển các CTĐT liên ngành, CTĐT mới theo nhu cầu của thị trường lao động, đặc biệt là các lĩnh vực công nghệ cao như blockchain, kinh tế dữ liệu, và công nghệ tài chính.
- Nghiên cứu thành lập Khoa Liên ngành Ứng dụng Công nghệ thông tin.

#### ***MTTK4: Đảm bảo chất lượng đào tạo***

##### **Giải pháp**

- Tiếp tục kiểm định và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo tất cả các chương trình đào tạo có người học tốt nghiệp được kiểm định bởi các tổ chức uy tín.
- Phát triển hệ thống đánh giá, giám sát chất lượng đào tạo liên tục, bao gồm việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên, giảng viên, và nhà tuyển dụng để cải tiến CTĐT.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong việc quản lý chất lượng đào tạo, sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu để đo lường hiệu quả của các chương trình học.
- Tăng cường năng lực giảng viên thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn về phương pháp giảng dạy hiện đại, cũng như khuyến khích giảng viên tham gia các khóa học nâng cao trình độ quốc tế.
- Phát triển các chương trình dạy học theo hướng cá nhân hóa, giúp sinh viên có thể lựa chọn lộ trình học tập phù hợp với năng lực và sở thích cá nhân, đồng thời đảm bảo chuẩn đầu ra theo yêu cầu của chuẩn cơ sở giáo dục.

#### **Kết quả dự kiến của giai đoạn 2021 - 2030:**

- KPI.5-Số SV đạt giải HSG-QG được tuyển vào trường: 250.
- KPI.6-Số SV đủ năng lực cạnh tranh thị trường lao động toàn cầu: 100 (làm việc tại các công ty tầm cỡ quốc tế FAANG (Facebook, Apple, Amazon, Netflix, Google) hoặc học tiếp SĐH tại các Trường ĐH tương đương Top100 USA).

- KPI.7-Số CTĐT liên ngành/liên trường/giảng dạy bằng tiếng Anh/hợp tác quốc tế: 7.
- KPI.8-Tỷ lệ chương trình đào tạo có người học tốt nghiệp được kiểm định quốc tế đến 2030: 100%.
- PI.5-Tỷ lệ người học tốt nghiệp theo chuẩn CSGD hàng năm: 60%.
- PI.6-Số sinh viên có kỹ năng ngoại ngữ (IELTS từ 6.5 trở lên hoặc tương đương): 2000.
- PI.7-Số sinh viên tham gia các chương trình đào tạo, nghiên cứu và trao đổi quốc tế, gồm cả sinh viên đi và đến: 100.
- PI.8-Tỷ lệ quy mô tuyển sinh sau đại học/tuyển sinh đại học chính quy đạt đến năm 2030: 15%.
- PI.9-Số môn học/học phần trên nền tảng MOOC: 20.
- PI.10-Tỷ lệ sinh viên có việc làm hoặc học tiếp các trình độ cao hơn sau 1 năm tốt nghiệp hàng năm: 90%.
- PI.11-Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể hàng năm: 70%.

### **Chiến lược 3: Phát triển nguồn lực kiến tạo tương lai bền vững**

**Mục tiêu chiến lược:** Xây dựng đội ngũ giảng viên và thu hút nhân tài với tầm nhìn dài hạn; Phát triển cơ sở vật chất hiện đại và môi trường học tập tiên tiến; Đảm bảo sự tăng trưởng tài chính bền vững; Đẩy mạnh hợp tác địa phương và hỗ trợ cộng đồng; Hướng tới mô hình đại học số, nơi giáo dục và nghiên cứu được thực hiện trên nền tảng công nghệ hiện đại và tích hợp.

#### ***MTTK1: Nâng cao trình độ đội ngũ viên chức và người lao động***

##### **Giải pháp**

- Xây dựng các chương trình hỗ trợ giảng viên hiện có tham gia các khóa đào tạo sau đại học, đặc biệt là các chương trình tiến sĩ trong và ngoài nước.
- Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các chương trình trao đổi học thuật quốc tế, hội thảo, và các khóa đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài để nâng cao chuyên môn và kỹ năng giảng dạy.
- Khuyến khích giảng viên tham gia vào các dự án nghiên cứu lớn hoặc hợp tác với các tổ chức nghiên cứu quốc tế để nâng cao năng lực nghiên cứu.

- Tổ chức các khóa đào tạo nội bộ về phương pháp giảng dạy hiện đại, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và hoạt động nghiên cứu khoa học.
- Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cho viên chức và người lao động nâng cao kỹ năng phục vụ công việc.

***MTTK2: Thu hút và giữ chân giảng viên xuất sắc, giảng viên quốc tế***

**Giải pháp**

- Xây dựng các chính sách đãi ngộ hấp dẫn như mức lương cạnh tranh, hỗ trợ nhà ở, và điều kiện làm việc hiện đại để thu hút giảng viên xuất sắc trong và ngoài nước.
- Tạo cơ chế linh hoạt để tuyển dụng giảng viên quốc tế, bao gồm việc đơn giản hóa quy trình tuyển dụng, hỗ trợ visa, và cung cấp các gói phúc lợi phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.
- Phát triển các chương trình hợp tác giảng dạy và nghiên cứu với các trường đại học nước ngoài, tạo điều kiện cho các giảng viên quốc tế tham gia giảng dạy theo hình thức ngắn hạn hoặc dài hạn.
- Xây dựng môi trường học thuật chuyên nghiệp, sáng tạo để thu hút các nhà khoa học trẻ tài năng, đồng thời cung cấp hỗ trợ khởi đầu cho các nhà nghiên cứu mới thông qua các dự án nghiên cứu và cơ hội phát triển nghề nghiệp.
- Xây dựng chính sách đột phá (hỗ trợ tài chính, cơ hội nghiên cứu hấp dẫn) để thu hút những giảng viên sau tiến sĩ hoặc các nhà nghiên cứu quốc tế có tiềm năng.

***MTTK3: Tăng trưởng nguồn thu bền vững***

**Giải pháp**

- Tích cực mở rộng và đa dạng hóa các nguồn thu nhập bằng cách phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn, các khóa học chuyên đề, và các dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp, xã hội.
- Khuyến khích giảng viên và các đơn vị trong Trường phát triển các sản phẩm nghiên cứu ứng dụng có khả năng thương mại hóa, nhằm gia tăng nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ.
- Chú trọng khai thác các nguồn tài trợ, nâng cao hiệu quả khai thác cơ sở vật chất để cung cấp dịch vụ cho cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức giáo dục khác.

***MTTK4: Phát triển cơ sở vật chất hiện đại đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu***

**Giải pháp**

- Xây dựng Hệ thống phòng thực hành công nghệ thông minh phục vụ đào tạo nhân lực phát triển công nghệ cao.

- Xây dựng công trình Khối phòng học – Phòng máy thực hành A (CNTT.B5).
- Phát triển không gian xanh và thân thiện với môi trường.
- Tạo lập một không gian thư viện hiện đại, tiện nghi phục vụ nhu cầu của người học.

***MTTK5: Nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ sinh viên***

**Giải pháp**

- Tạo điều kiện để sinh viên có môi trường tốt nhất cho hoạt động thể chất, từ đó nâng cao sức khỏe và tinh thần.
- Đầu tư vào hạ tầng mạng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sinh viên trong môi trường học tập hiện đại.
- Xây dựng một hệ thống hỗ trợ sinh viên toàn diện, bao gồm cả tư vấn hướng nghiệp chuyên sâu và cơ hội thực tập tại các doanh nghiệp.
- Cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ sức khỏe tinh thần một cách toàn diện.

***MTTK6: Kết nối và phát huy nguồn lực cựu sinh viên, hợp tác địa phương và phục vụ cộng đồng***

**Giải pháp**

- Mở rộng các chương trình đào tạo và hỗ trợ sinh viên trong các hoạt động phục vụ cộng đồng, bao gồm các dự án tình nguyện, hỗ trợ giáo dục cho các vùng khó khăn, và các chương trình khởi nghiệp xã hội.
- Phát triển các chương trình học tập kết hợp với thực tế nhằm giúp sinh viên vừa học tập, vừa tham gia vào các hoạt động phục vụ cộng đồng, qua đó phát triển kỹ năng và tinh thần trách nhiệm xã hội.
- Xây dựng và triển khai các chương trình hợp tác với các doanh nghiệp địa phương để phát triển các giải pháp công nghệ và quản lý nhằm hỗ trợ trực tiếp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Kết nối chặt chẽ với cựu sinh viên, xây dựng mạng lưới hỗ trợ, khai thác nguồn lực từ cựu sinh viên trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, và phục vụ cộng đồng, đồng thời khuyến khích họ tham gia vào các dự án phát triển của nhà trường và địa phương.

**Kết quả dự kiến đến năm 2030:**

- KPI.9-Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ/tổng số giảng viên cơ hữu đến 2030: 50%.
- KPI.10-Số GV quốc tế cộng tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học: 60.
- KPI.11-Tỷ lệ tổng nguồn thu tại đơn vị tăng trung bình so với năm trước: 15%.

- 
- PI.12-Tỷ lệ VC-NLĐ hài lòng đối với các hoạt động của Nhà trường hàng năm: 80%.
- PI.13-Số GV trình độ ThS theo học TS: 40.
- PI.14-Số chương trình hỗ trợ, hoạt động ngoại khoá cho SV: 15.
- PI.15-Số chương trình phục vụ cộng đồng: 15.
- PI.16-Tỷ lệ tổng diện tích sàn xây dựng hoàn thành/Tổng diện tích sàn xây dựng của Trường theo quy hoạch: 49%.

## 7. Phân tích, đánh giá rủi ro và tính khả thi

### a. Phân tích đánh giá rủi ro

- Quá trình hội nhập quốc tế, quốc tế hoá giáo dục bên cạnh mang lại những cơ hội cũng tạo ra những thách thức và rủi ro lớn trong công tác quản trị đại học và cạnh tranh gay gắt hơn trong giáo dục đại học.
- Trường ĐHCNTT thực hiện cơ chế tự chủ theo đề án đổi mới cơ chế hoạt động với lộ trình tăng học phí từ năm học 2021 - 2022 tạo ra nhiều thách thức trong công tác tuyển sinh và nâng cao chất lượng đầu vào.
- Môi trường học tập hiện nay chưa tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu của người học. Trường sẽ xây dựng môi trường học tập thuận lợi hơn như không gian nghiên cứu, thảo luận; dữ liệu chuyên ngành; chính sách hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện về NCKH; chính sách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và khai thác, chia sẻ kết quả NCKH.
- Hoạt động hợp tác với các địa phương, ban, ngành, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế để đồng tài trợ cho các hoạt động KHCN, nghiên cứu ứng dụng, khởi nghiệp, ... chưa hiệu quả. Trường sẽ xây dựng và thực thi chính sách khuyến khích hoạt động hợp tác và tìm kiếm tài trợ phù hợp, theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi.
- Do cạnh tranh cao nên chưa thể tuyển dụng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn phù hợp theo yêu cầu; một số nhân sự có khả năng bị đào thải do không đáp ứng được sự chuyển đổi công nghệ.
- Thu nhập tại Trường đang dần cải thiện nhưng vẫn chưa thể cạnh tranh với mức thu nhập hấp dẫn tại các đơn vị ngoài công lập nên xảy ra tình trạng dịch chuyển đội ngũ trình độ cao, làm thiếu hụt nhân lực phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Trường sẽ tăng cường xây dựng và triển khai chính sách tuyển dụng mới, thu hút nhân lực, bồi dưỡng đội ngũ hiện có; xây dựng và triển khai chính sách đánh giá, trả thu nhập theo hiệu quả công việc.

- Việc triển khai các hạng mục công trình, đầu tư máy móc, trang thiết bị có khả năng sẽ khó thực hiện theo đúng tiến độ. Trường sẽ lên kế hoạch triển khai rõ ràng, cụ thể cho từng hạng mục trong kế hoạch chiến lược, từ đó bố trí nguồn vốn cho từng hạng mục, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của các đơn vị liên quan để đảm bảo chất lượng, tiến độ của các công trình; tổ chức lựa chọn những nhà thầu, đơn vị thi công có năng lực tốt về nhân sự, công nghệ, chuyên nghiệp để đáp ứng tốt các quy định về chất lượng, tiến độ, thích ứng tốt với các bối cảnh thay đổi trong tương lai về thiên tai, dịch bệnh.

#### **b. Phân tích tính khả thi**

- Chiến lược Trường ĐHCNTT giai đoạn 2021-2030 được xây dựng kỹ càng và thực hiện bổ sung, chỉnh sửa qua nhiều lần góp ý và lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt của Trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo và được Đảng ủy, Hội đồng trường Trường ĐHCNTT thông qua. Bản chiến lược đã phân tích và đánh giá SWOT kỹ càng để xác định các mục tiêu trọng tâm và mục tiêu cụ thể cho giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045.
- Chiến lược Trường đã cân nhắc kỹ các yếu tố liên quan đến nguồn nhân lực, nguồn tài chính để xây dựng các chương trình hành động phù hợp. Chiến lược Trường có phân tích và quản lý rủi ro, đảm bảo hầu hết các rủi ro là được tính đến.
- Trường sẽ tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết hàng năm, các đề án trọng tâm, cấp thiết cho từng nhóm chiến lược, từng lĩnh vực để triển khai thực hiện đúng tiến độ Chiến lược giai đoạn 2021-2030. Bên cạnh đó, Trường có được sự quan tâm, ủng hộ của ĐHQG-HCM để ưu tiên đầu tư hoàn thiện CSVC.
- Mặc dù khả năng gặp khó khăn từ nguồn vốn đầu tư từ NSNN (có thể bị giảm so với dự kiến) nhưng với việc đổi mới cơ chế hoạt động từ năm 2021, việc tăng học phí phù hợp theo tiến độ sẽ đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện Chiến lược Trường.
- Lộ trình tăng học phí của Trường được xây dựng phù hợp cho từng giai đoạn, học phí tăng nhưng không quá cao, thậm chí vẫn còn thấp hơn so với các trường đại học

dân lập. Với đội ngũ giảng viên giỏi và sinh viên nằm trong tốp đầu các trường đại học, Trường vẫn giữ được lợi thế cạnh tranh so với các trường khác đào tạo cùng lĩnh vực và đảm bảo nguồn tuyển sinh không bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, Trường sẽ quan tâm xây dựng chính sách và đa dạng các hình thức hỗ trợ, khuyến khích học tập và công bố kết quả NCKH cho SV.

Chính vì vậy, Chiến lược Trường ĐHCNTT giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 có tính khả thi cao và rủi ro có thể kiểm soát.



HÀNG TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Tú Anh

**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2030**

| <b>STT</b> | <b>ĐỀ TÀI/DỰ ÁN</b>                                                                                                    |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Đề án đầu tư các nhóm NC mạnh tầm châu Á, đầu tư sản phẩm ứng dụng, và nâng cao năng lực công bố KH (P. ĐTSĐH&KHCHN)   |
| 2          | Đề án phát triển công nghệ chiến lược về ứng dụng Trí tuệ nhân tạo hướng đến sản phẩm quốc gia                         |
| 3          | Đề án thu hút và đào tạo SV xuất sắc năng lực cạnh tranh toàn cầu (P. ĐTĐH)                                            |
| 4          | Đề án tăng cường chuyển đổi số trong quản trị và phục vụ SV (P.DL&CNTT)                                                |
| 5          | Đề án đầu tư Hệ thống phòng thực hành công nghệ thông minh phục vụ đào tạo nhân lực phát triển công nghệ cao (P. QTTB) |
| 6          | Đề án tăng cường hợp tác, trao đổi học thuật của SV, GV với các trường quốc tế (P. QHĐN)                               |
| 7          | Đề án thành lập Khoa Liên ngành Ứng dụng CNTT (P. TCHC)                                                                |
| 8          | Đề án thành lập Trung tâm Kết nối Doanh nghiệp và Phát triển Nghề nghiệp (P. CTSV)                                     |
| 9          | Đề án tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần, phát triển kỹ năng mềm cho SV (P. CTSV)                               |
| 10         | Dự án xây dựng công trình Khối phòng học – Phòng máy thực hành A (CNTT.B5) (P. QTTB)                                   |

**PHỤ LỤC 2: ĐỐI SÁNH CHỈ TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐHCNTT VỚI  
CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA ĐHQG-HCM**

| <b>STT CHỈ<br/>TIÊU<br/>UIT</b> | <b>NỘI DUNG CHỈ TIÊU</b>                                                                                                                                                                                             | <b>STT CHỈ<br/>TIÊU<br/>ĐHQG</b> | <b>NỘI DUNG CHỈ TIÊU</b>                                                                                                           |
|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| KPI.1                           | Số bài báo khoa học quốc tế thuộc danh mục Scopus: 2500                                                                                                                                                              | 22                               | Bài báo trong danh mục Scopus: Giai đoạn 2021-2025 đạt 15000 bài; đến năm 2030 đạt 35.000 bài.                                     |
| KPI.2                           | Số nhóm nghiên cứu mạnh được đầu tư trọng điểm để tiến tới đạt tầm châu Á: 2                                                                                                                                         | 26                               | Tỷ lệ tăng số lượng dự án quốc tế mới trung bình hằng năm: 15%                                                                     |
| KPI.3                           | Tỷ trọng thu khoa học-công nghệ đạt chuẩn CSGD hàng năm: 5%                                                                                                                                                          | PI IV.7                          | Tỷ lệ tăng nguồn thu từ hoạt động hợp tác địa phương - doanh nghiệp trung bình hằng năm: 10%                                       |
| KPI.4                           | Số doanh nghiệp là đối tác chiến lược trong hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tuyển dụng: 10                                                                                              | PI IV.6                          | Tỷ lệ tăng số lượng hoạt động hợp tác với địa phương và doanh nghiệp trung bình hằng năm: 10%                                      |
| KPI.5                           | Số SV đạt giải HSG-QG được tuyển vào trường: 250                                                                                                                                                                     | 2                                | Tuyển chọn và hỗ trợ đào tạo nhân tài mỗi năm: 300 sinh viên/học sinh và 100 học viên sau đại học                                  |
| KPI.6                           | Số SV đủ năng lực cạnh tranh thị trường lao động toàn cầu: 100 (làm việc tại các công ty tầm cỡ quốc tế FAANG (Facebook, Apple, Amazon, Netflix, Google) hoặc học tiếp SDH tại các Trường ĐH tương đương Top100 USA) | 2                                | Tuyển chọn và hỗ trợ đào tạo nhân tài mỗi năm: 300 sinh viên/học sinh và 100 học viên sau đại học                                  |
| KPI.7                           | Số CTĐT liên ngành/liên trường/giảng dạy bằng tiếng Anh/hợp tác quốc tế: 7                                                                                                                                           | 4                                | Chương trình đào tạo liên trường: 20                                                                                               |
| KPI.8                           | Tỷ lệ chương trình đào tạo có người học tốt nghiệp được kiểm định quốc tế đến 2030: 100%                                                                                                                             | 8, 9                             | -Số CTĐT kiểm định theo các bộ tiêu chuẩn trong nước và quốc tế: 250<br>-Tỷ lệ chương trình đào tạo được đánh giá cấp đơn vị: 100% |
| KPI.9                           | Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ/tổng số giảng viên cơ hữu đến 2030: 50%                                                                                                                                         | 1                                | Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ/tổng số giảng viên: đạt 75%                                                                   |
| KPI.10                          | Số GV quốc tế cộng tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học: 60                                                                                                                                                            | PI IV.4                          | Tỷ lệ tăng số sinh viên, giảng viên quốc tế trung bình hằng năm: 10%                                                               |
| KPI.11                          | Tỷ lệ tổng nguồn thu tại đơn vị tăng trung bình so với năm trước: 15%                                                                                                                                                | 30, 31, PI VI.3                  | -Tỷ lệ tổng nguồn thu tăng so với năm trước: 7%<br>-Tổng nguồn thu của ĐHQG-HCM: 8.000 tỷ đồng                                     |

| STT CHỈ<br>TIÊU<br>UIT | NỘI DUNG CHỈ TIÊU                                                                                               | STT CHỈ<br>TIÊU<br>ĐHQG | NỘI DUNG CHỈ TIÊU                                                                                                                                               |
|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                        |                                                                                                                 |                         | - Tỷ lệ tổng nguồn thu tại đơn vị tăng bình quân /năm: 15%                                                                                                      |
| PI.1                   | Số đề tài có kinh phí trên 5 tỷ: 3                                                                              | 17                      | Số đề tài liên ngành có kinh phí trên 200.000USD: 20                                                                                                            |
| PI.2                   | Số sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký: 30                                                                 | 24                      | Sáng chế quốc tế (IP); sáng chế, giải pháp hữu ích Quốc gia: Ít nhất 20                                                                                         |
| PI.3                   | Số lượng dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của sinh viên, giảng viên được hỗ trợ: 5                           | 21,26                   | - Sinh viên tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo/năm: 10.000<br>- Tỷ lệ tăng số lượng dự án quốc tế mới trung bình hằng năm: 15%                                 |
| PI.4                   | Số ứng dụng chuyển đổi số hỗ trợ quản trị và phục vụ SV: 1                                                      | 11                      | Mức độ hài lòng của người học về hoạt động đào tạo và quản lý trên thang điểm 5: tối thiểu 4/5                                                                  |
| PI.5                   | Tỷ lệ người học tốt nghiệp theo chuẩn CSGD hàng năm: 60%                                                        | 11, 15                  | - Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn: Tối thiểu 55%<br>- Tổng quy mô tốt nghiệp đào tạo trình độ đại học và sau đại học giai đoạn 2023-2030: tối thiểu 140.000 |
| PI.6                   | Số sinh viên có kỹ năng ngoại ngữ (IELTS từ 6.5 trở lên hoặc tương đương): 2000                                 | 2                       | Tuyển chọn và hỗ trợ đào tạo nhân tài mỗi năm: 300 sinh viên/học sinh và 100 học viên sau đại học                                                               |
| PI.7                   | Số sinh viên tham gia các chương trình đào tạo, nghiên cứu và trao đổi quốc tế, gồm cả sinh viên đi và đến: 100 | 2                       | Tuyển chọn và hỗ trợ đào tạo nhân tài mỗi năm: 300 sinh viên/học sinh và 100 học viên sau đại học                                                               |
| PI.8                   | Tỷ lệ quy mô tuyển sinh sau đại học/tuyển sinh đại học chính quy đạt đến 2030: 15%                              | 3                       | Tỷ lệ quy mô tuyển sinh sau đại học/tuyển sinh đại học chính quy: đạt 20%                                                                                       |
| PI.9                   | Số lượng môn học/học phần trên nền tảng MOOC: 20                                                                | 6                       | Số lượng môn học/học phần trên nền tảng MOOC: 100 môn học/học phần                                                                                              |
| PI.10                  | Tỷ lệ sinh viên có việc làm hoặc học tiếp các trình độ cao hơn sau 1 năm tốt nghiệp hàng năm: 90%               | 10                      | Tỷ lệ sinh viên có việc làm hoặc học tiếp các trình độ cao hơn sau 1 năm tốt nghiệp: 90%                                                                        |
| PI.11                  | Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể hàng năm: 70%                                                          | 11                      | Mức độ hài lòng của người học về hoạt động đào tạo và quản lý trên thang điểm 5: tối thiểu 4/5                                                                  |
|                        |                                                                                                                 |                         |                                                                                                                                                                 |
| PI.12                  | Tỷ lệ VC-NLĐ hài lòng đối với các hoạt động của Nhà trường hàng năm: 80%                                        |                         |                                                                                                                                                                 |
| PI.13                  | Số GV trình độ ThS theo học TS: 40                                                                              | 1                       | Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ/tổng số giảng viên: đạt 75%                                                                                                |
| PI.14                  | Số chương trình hỗ trợ, hoạt động ngoại khoá cho SV: 15                                                         | 11                      | Mức độ hài lòng của người học về hoạt động đào tạo và quản lý trên thang điểm 5: tối thiểu 4/5                                                                  |

| STT CHỈ<br>TIÊU<br>UIT | NỘI DUNG CHỈ TIÊU                                                                                                | STT CHỈ<br>TIÊU<br>ĐHQG | NỘI DUNG CHỈ TIÊU                                                                                            |
|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| PI.15                  | Số chương trình phục vụ cộng đồng:<br>15                                                                         | PI VI.9                 | Chương trình hỗ trợ địa phương,<br>phục vụ cộng đồng của sinh viên: 1-<br>3                                  |
| PI.16                  | Tỷ lệ tổng diện tích sản xây dựng<br>hoàn thành/Tổng diện tích sản xây<br>dựng của Trường theo quy hoạch:<br>49% | 29                      | Tổng diện tích sản xây dựng hoàn<br>thành/Tổng diện tích sản xây dựng<br>của ĐHQG-HCM theo quy hoạch:<br>50% |

